

PHỤ LỤC
TỔNG HỢP QUỸ TIỀN LƯƠNG, HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG CHỨC VIÊN CHỨC
CẤP HUYỆN, CẤP TỈNH VỀ XÃ PHƯỚC GIANG SAU SẮP XẾP

(Kèm theo Công văn số /UBND ngày /8/2025 của UBND xã Phước Giang)

ĐVT: đồng

TT	Tên cán bộ, công chức	Dự toán đầu năm UBND huyện giao			Đã thực hiện			Kinh phí còn lại đề nghị cấp về xã Phước Giang			Ghi chú
		Cộng	Lương và các khoản đóng góp theo lương	Chi nhiệm vụ thường xuyên	Cộng	Lương và các khoản đóng góp theo lương	Chi nhiệm vụ thường xuyên	Cộng	Lương và các khoản đóng góp theo lương	Chi nhiệm vụ thường xuyên	
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8=2-5	9=3-6	C
1	Đoàn Thị Minh Thi	206.683.220	177.683.220	29.000.000	108.729.110	88.841.610	19.887.500	97.954.110	88.841.610	9.112.500	
2	Trần Thị Kim Chi	180.589.880	151.589.880	29.000.000	91.893.051	75.794.940	16.098.111	88.696.829	75.794.940	12.901.889	
3	Võ Thoại	130.517.244	130.517.244		65.258.622	65.258.622		65.258.622	65.258.622	0	
4	Võ Thế Duy	216.209.360	187.209.360	29.000.000	110.964.119	93.604.680	17.359.439	105.245.241	93.604.680	11.640.561	
5	Nguyễn Hữu Hoàng	153.254.000	124.254.000	29.000.000	79.486.439	62.127.000	17.359.439	73.767.561	62.127.000	11.640.561	
6	Nguyễn Văn Lễ	220.351.160	191.351.160	29.000.000	112.308.097	95.675.580	16.632.517	108.043.063	95.675.580	12.367.483	
7	Phan Công Huân	206.683.220	177.683.220	29.000.000	108.217.624	88.841.610	19.376.014	98.465.596	88.841.610	9.623.986	
8	Lê Viết Hiệp	175.205.540	146.205.540	29.000.000	94.146.666	73.102.770	21.043.896	81.058.874	73.102.770	7.956.104	
9	Huỳnh Thị Thanh Nga	237.746.720	208.746.720	29.000.000	126.128.933	104.373.360	21.755.573	111.617.787	104.373.360	7.244.427	
10	Phan Minh Thời	202.541.420	173.541.420	29.000.000	108.447.240	86.770.710	21.676.530	94.094.180	86.770.710	7.323.470	
11	Phan Thị Ánh Lệ	237.746.720	208.746.720	29.000.000	125.113.360	104.373.360	20.740.000	112.633.360	104.373.360	8.260.000	
12	Nguyễn Thị Ngọc Quý	199.199.900	170.199.900	29.000.000	98.757.048	85.099.950	13.657.098	100.442.852	85.099.950	15.342.902	
13	Phan Thanh Hà	199.199.900	170.199.900	29.000.000	98.805.910	85.099.950	13.705.960	100.393.990	85.099.950	15.294.040	
14	Nguyễn Thị Ánh Hồng	232.095.620	203.095.620	29.000.000	115.204.908	101.547.810	13.657.098	116.890.712	101.547.810	15.342.902	
15	Nguyễn Thanh Hà	389.157.590	360.157.590	29.000.000	192.577.495	180.078.795	12.498.700	196.580.095	180.078.795	16.501.300	

TT	Tên cán bộ, công chức	Dự toán đầu năm UBND huyện giao			Đã thực hiện			Kinh phí còn lại đề nghị cấp về xã Phước Giang			Ghi chú
		Cộng	Lương và các khoản đóng góp theo lương	Chi nhiệm vụ thường xuyên	Cộng	Lương và các khoản đóng góp theo lương	Chi nhiệm vụ thường xuyên	Cộng	Lương và các khoản đóng góp theo lương	Chi nhiệm vụ thường xuyên	
16	Mai Thị Hồng Phiêm	204.815.900	175.815.900	29.000.000	101.730.915	87.907.950	13.822.965	103.084.985	87.907.950	15.177.035	
17	Trương Thị Thúy Vân	244.542.080	215.542.080	29.000.000	121.428.138	107.771.040	13.657.098	123.113.942	107.771.040	15.342.902	
18	Đoàn Thanh Tuấn	141.460.400	112.460.400	29.000.000	69.287.903	56.230.200	13.057.703	72.172.497	56.230.200	15.942.297	
19	Nguyễn Nhân	240.696.664	211.696.664	29.000.000	125.898.225	105.848.332	20.049.893	114.798.439	105.848.332	8.950.107	
20	Nguyễn Thị Ngọc Diệu	151.796.648	122.796.648	29.000.000	81.448.217	61.398.324	20.049.893	70.348.431	61.398.324	8.950.107	
21	Nguyễn Đăng Phú	144.480.404	115.480.404	29.000.000	77.790.095	57.740.202	20.049.893	66.690.309	57.740.202	8.950.107	
22	Phạm Tiến	205.616.180	176.616.180	29.000.000	108.357.983	88.308.090	20.049.893	97.258.197	88.308.090	8.950.107	
23	Nguyễn Thị Kiều Hoanh	263.250.000	234.250.000	29.000.000	133.843.420	117.125.000	16.718.420	129.406.580	117.125.000	12.281.580	
24	Võ Thị Thanh Trà	270.730.000	241.730.000	29.000.000	140.034.800	120.865.000	19.169.800	130.695.200	120.865.000	9.830.200	
25	Nguyễn Duy Diễm	0			0	0		110.175.580	95.675.580	14.500.000	Cán bộ từ tỉnh chuyển về xã
Tổng cộng:		5.054.569.770	4.387.569.770	667.000.000	2.595.858.318	2.193.784.885	402.073.433	2.568.887.032	2.289.460.465	279.426.567	

(Số tiền bằng chữ: Hai tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn không trăm ba mươi hai đồng)./.